

Số: 119 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

## TỜ TRÌNH

## Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023; Chính phủ đã xây dựng dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) và kính trình Quốc hội về dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)****1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để giữ gìn được những bản sắc văn hóa của dân tộc, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, lan tỏa các giá trị văn hóa tới bạn bè quốc tế, góp phần nâng cao vị thế quốc gia... Tầm quan trọng, vai trò, vị trí của văn hóa trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa được thể hiện qua các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Quốc hội, của Chính phủ, là cơ sở để các cơ quan chức năng cụ thể hóa, xây dựng được các chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa:

- Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện những quan điểm mới về quyền con người, trong đó có quyền văn hóa được thể hiện tại Điều 41: “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa”.

- Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16 tháng 7 năm 1998 của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, trong đó đã xác định nhiệm vụ “Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa”.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, trong đó có nội dung xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.



- Nhất là, tại Hội nghị văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (ngày 24 tháng 11 năm 2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã xác định rõ vị trí, vai trò của văn hóa trong sự phát triển kinh tế - xã hội và là cơ hội để các cấp, các ngành xây dựng chiến lược phát triển văn hóa trong thời đại mới, với những nội dung chính: “*Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại. Phát triển “sức mạnh mềm” của văn hóa Việt Nam, góp phần nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia trong thời gian tới...*”.

Như vậy, việc ban hành Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) nhằm cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 và thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường về phân cấp, phát huy nguồn lực xã hội và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ hội nhập, phát triển.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

### **2.1. Khắc phục bất cập của Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)**

Sau hơn 20 năm Luật Di sản văn hóa được ban hành và hơn 10 năm được sửa đổi, bổ sung, sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã và đang được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm, ngày càng được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân ở khắp mọi miền đất nước. Nhờ đó, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ngày càng hiệu quả, với những thành tựu đáng ghi nhận: Đã xếp hạng trên 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố, 3.621 di tích quốc gia và 130 di tích quốc gia đặc biệt (trên tổng số 40.000 di tích đã được kiểm kê); khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể trên cả nước được kiểm kê, 534 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Các di sản của Việt Nam được UNESCO công nhận/ghi danh, bao gồm: 09 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; 15 di sản văn hóa phi vật thể (trong đó 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và 02 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp); 09 di sản tư liệu (03 di sản tư liệu thế giới, 06 di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương)...

Hệ thống bảo tàng đã phát triển từ một vài bảo tàng được xây dựng từ thời Pháp thuộc thành một hệ thống gồm 197 bảo tàng (127 bảo tàng công lập và 70 bảo tàng ngoài công lập) đang bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị trên 4 triệu hiện vật - là di vật, cổ vật quý giá mang đặc trưng văn hóa của địa phương, vùng miền, quốc gia. Hiện nay, đã có 294 hiện vật, nhóm hiện vật được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia, trong đó 168 hiện vật, nhóm hiện vật đang được lưu giữ, bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị tại các bảo tàng.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu và đòi hỏi cấp bách từ thực tế đang diễn ra, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa cũng dần bộc lộ một



số hạn chế, bất cập cả về nội dung và hình thức trong từng lĩnh vực cụ thể. Do đó, việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa là hết sức cần thiết để bắt kịp sự vận động và biến chuyển của xã hội, điều chỉnh, cụ thể hóa được những vấn đề còn vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi nhất cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

*2.1.1. Một số quy định của Luật còn mang tính nguyên tắc chung chung cần quy định rõ hơn*

- Quy định đối tượng di tích trong danh mục được kiểm kê được bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của Luật Di sản văn hóa nhưng chưa quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

- Quy định thẩm quyền công nhận, ghi danh di sản nhưng chưa quy định trình tự, thủ tục để triển khai thực hiện.

- Quy định mua cổ vật thông qua thương lượng và đấu giá; quy định nhà nước dành ngân sách thích đáng để mua cổ vật nhưng chưa quy định cụ thể cơ chế, chính sách thực hiện.

- Quy định về việc giám định cổ vật nhưng chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và tiêu chuẩn chuyên gia giám định.

- Quy định bảo vật quốc gia được bảo vệ, bảo quản theo chế độ đặc biệt nhưng chưa quy định cụ thể về việc bảo vệ, bảo quản sẽ được tiến hành như thế nào.

- Quy định khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhưng chưa quy định cụ thể để khuyến khích và có cơ chế thực hiện.

- Quy định nguồn lực xã hội hóa cho bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa còn chung chung, chưa rõ cơ chế triển khai.

*2.1.2. Một số quy định của Luật còn chồng chéo, bất cập, có tính khả thi chưa cao hoặc không còn phù hợp với thực tiễn, cần sửa đổi hoặc bãi bỏ*

- Hai cơ quan cùng thẩm định dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (cơ quan xây dựng và cơ quan văn hóa) gây ra bất cập khi thời gian thẩm định hồ sơ dự án kéo dài, có thể gây ra chậm trễ trong việc triển khai thực hiện dự án.

- Quy định việc xây dựng các công trình ngoài khu vực bảo vệ của di tích nhưng xét thấy có ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái của di tích phải xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa quy định rõ cơ quan nào sẽ xác định, tiêu chí nào để xác định có nguy cơ để có cơ sở thực hiện trong thực tiễn.

- Quy định về điều kiện thành lập bảo tàng chưa phù hợp với mô hình bảo tàng ngoài công lập.

- Quy định về việc phân loại bảo tàng công lập trong Luật gây khó khăn trong thực hiện khi khó xác định và cách hiểu bảo tàng nào là bảo tàng quốc gia, bảo tàng cấp tỉnh (không rõ giữa bảo tàng tổng hợp và bảo tàng chuyên đề).

- Chưa quy định các biện pháp cụ thể, cần thiết để bảo vệ di sản ở từng lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.



- Chưa xác định rõ các loại hình di sản văn hóa phi vật thể và hình thức thể hiện nên khó khăn khi nhận diện, kiểm kê và thực hiện biện pháp bảo vệ, phát huy giá trị di sản.

- Chưa có quy định về người đại diện, đầu mối chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị diễn ra tại di tích; chưa rõ nhiệm vụ của ban quản lý di tích để thực hiện thống nhất từ trung ương đến địa phương.

### 2.1.3. Một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn cần được bổ sung mới trong Luật

- Luật Di sản văn hóa hiện hành chưa quy định nội dung các hoạt động, cơ chế để thu hút, huy động được sự đóng góp, tham gia của tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa... Hiện nay, các địa phương đang rất cần khai thác, phát huy giá trị di sản để phát triển kinh tế - xã hội. Nhưng do không có cơ chế, chính sách, ưu đãi thuế cho chi phí sản xuất, nên do lợi nhuận không cao, nhiều rủi ro khi đầu tư, khó thu hồi vốn cũng là trở ngại rất lớn trong công tác vận động, thu hút sự tham gia của doanh nghiệp. Trong khi, nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa còn rất thấp so với nhu cầu thực tế: Đầu tư tu bổ di tích còn thấp, nên mới chỉ thực hiện chống đỡ cục bộ, chưa đặt di tích ở trong tình trạng bền vững lâu dài để trở thành một sản phẩm hoàn chỉnh có sức hấp dẫn thu hút khách tham quan dẫn đến việc tạo nguồn thu tái đầu tư cho tu bổ, tôn tạo di tích còn bị hạn chế. Di sản tư liệu, di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh chưa có đầy đủ chương trình, đề án, kế hoạch để bảo vệ và phát huy giá trị. Hoạt động bảo tàng chưa được quan tâm, đầu tư kinh phí để xây dựng, cải tạo trụ sở, mua sắm trang bị thiết yếu để bảo vệ, bảo quản hiện vật... Vì vậy, cần bổ sung mới các quy định trong Luật Di sản văn hóa (sửa đổi): về phạm vi, quyền hạn, nội dung hoạt động xã hội hóa bảo vệ di sản, cơ chế và thẩm quyền hướng dẫn thực hiện; quy định về Quỹ Bảo tồn di sản văn hóa; quy định về việc hỗ trợ cộng đồng địa phương tại địa bàn có di tích.

- Chưa quy định thẩm quyền, hướng dẫn các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia như quy định về báo cáo định kỳ tình trạng di sản và tình hình bảo vệ, phát huy giá trị di sản sau khi được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, các Danh sách của UNESCO; nội dung, cơ chế thực hiện, triển khai, tổng hợp, xử lý thông tin các Báo cáo bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể theo cam kết với UNESCO...

- Luật chỉ quy định công trình trực tiếp bảo vệ và phát huy giá trị di tích nhưng chưa quy định việc xây dựng, cải tạo công trình ở trong khu vực bảo vệ và ngoài khu vực bảo vệ di tích mà xét thấy có ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái của di tích.

- Chưa có quy định về di sản tư liệu - là một loại hình thuộc di sản văn hóa nhưng chưa được quy định bởi bất kỳ luật nào trong hệ thống pháp luật của Việt Nam.



- Chưa có quy định về việc mua và đưa cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước; đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước.

- Thiếu các quy định trong lĩnh vực bảo tàng, như: chức năng, nhiệm vụ giáo dục và ứng dụng công nghệ; việc phải có dự án trưng bày nội thất, ngoài trời của bảo tàng công lập được thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình bảo tàng; kinh doanh dịch vụ bảo tàng.

- Thiếu các quy định về chuyển đổi số di sản văn hóa; việc khai thác, sử dụng di sản văn hóa; hợp tác công - tư; nguồn lực cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa (từ nguồn lực tài chính, ngân sách nhà nước, xã hội hóa, Quỹ bảo tồn, nguồn nhân lực...).

## **2.2. Bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật**

Sự chồng chéo giữa văn bản pháp luật về di sản văn hóa và văn bản pháp luật khác có liên quan xuất hiện từ năm 2014 (trong cả lĩnh vực di tích, bảo tàng và di sản văn hóa phi vật thể). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Quốc hội đã ban hành và sửa đổi, bổ sung nhiều đạo luật đã khắc phục được những chồng chéo, đồng thời tạo ra những thay đổi, phát sinh đến hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa như: Hiến pháp năm 2013, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, năm 2022), Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018), Luật Lưu trữ năm 2011, Luật Đầu tư công năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2022), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Bộ Luật Dân sự năm 2015, Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật Lâm nghiệp năm 2017, Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư năm 2020 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2022), Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022, Luật Quy hoạch đô thị, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

Do một số quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường có quy định liên quan đến di sản văn hóa, vì vậy, Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) cũng cần nghiên cứu để quy định phù hợp và thống nhất với các Luật.

## **2.3. Bảo đảm phù hợp với những cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên**

Trong lĩnh vực văn hóa, Việt Nam đã tham gia 05 Công ước quốc tế và 01 Chương trình. Cùng với việc phổ biến, hướng dẫn thực hiện các Công ước, Việt Nam đã từng bước thực hiện các cam kết đưa quan điểm của Công ước vào hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nội luật hóa di sản văn hóa.

- Đối với Công ước UNESCO 1970, cơ bản gồm 02 nhóm quy định: 1) Chống buôn bán trái phép cổ vật trong nước và buôn bán cổ vật ra nước ngoài;



2) Khuyến khích việc hồi hương những cổ vật được xác định là buôn bán và nhập khẩu trái phép. Nội dung về nhóm quy định thứ nhất của Công ước đã được quy định trong Luật Di sản văn hóa. Tuy nhiên, nội dung về nhóm quy định thứ hai của Công ước lại chưa được cụ thể trong các văn bản pháp luật về di sản văn hóa của Việt Nam.

- Đối với Công ước 1972 về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và văn bản hướng dẫn thực hiện Công ước có những sửa đổi, bổ sung những quy định mới của UNESCO về hoạt động quản lý di sản và hướng dẫn các quốc gia nghiên cứu, thực hiện về đầu mối thực hiện và quy trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát quản lý di sản, việc lập hồ sơ đề nghị công nhận di sản đa quốc gia, về cơ chế quản lý, bảo vệ di sản...

- Năm 2003, Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa Phi vật thể được UNESCO thông qua, và năm 2005, Việt Nam đã trở thành một trong 30 quốc gia đầu tiên gia nhập Công ước quốc tế này. Di sản văn hóa phi vật thể được quy định vào Luật Di sản văn hóa 2001 trước khi Công ước 2003 của UNESCO ra đời. Do đó, những nội dung của Công ước 2003 cần được nghiên cứu, bổ sung vào Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) như các loại hình di sản văn hóa phi vật thể, các biện pháp bảo vệ, phát huy giá trị di sản, cơ chế tôn trọng quyền của cộng đồng chủ thể di sản.

- Năm 1992, UNESCO khởi xướng Chương trình Ký ức Thế giới, Việt Nam chính thức tham gia là quốc gia thành viên của Chương trình từ năm 2007. UNESCO đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình Ký ức Thế giới nhưng đến nay Việt Nam vẫn chưa có văn bản quy định quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu hay văn bản quy phạm pháp luật về di sản tư liệu.

Vì vậy, Luật cần quy định đầy đủ hơn nội dung quản lý đối với lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên cơ sở đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của UNESCO; quy định nội dung, thẩm quyền, trách nhiệm trong hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu sau khi được ghi danh; di sản văn hóa phi vật thể và sinh kế của cộng đồng chủ thể, các nguyên tắc thực hành, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, vai trò của cộng đồng chủ thể di sản, các báo cáo quốc gia... để phù hợp với Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và Chương trình Ký ức Thế giới mà Việt Nam tham gia, đồng thời rà soát đảm bảo sự phù hợp nội dung các chính sách mới với những cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia nêu trên (Công ước ICESCR về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá; Công ước có liên quan như: Công CERD ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước ICCPR về các quyền dân sự và chính trị).

#### **2.4. Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực Di sản văn hóa**

Từ năm 2013, UNESCO đã chính thức thông qua Hiến chương về Di sản số, trong đó khuyến khích các quốc gia trên thế giới xây dựng cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa dưới dạng số nhằm mục tiêu tăng cường nhận thức, chia sẻ, bảo



vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung. Ở Việt Nam, trên nền tảng công nghệ số, cần xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa, phục vụ công tác lưu trữ, quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, quảng bá di sản; bảo đảm tích hợp được vào khung kiến trúc Chính phủ điện tử.

Tuy nhiên, Luật Di sản văn hóa hiện hành chưa cập nhật được những vấn đề về quản lý, hoạt động, bản quyền, quyền khai thác, sử dụng, lưu trữ,... cần phải có những quy định mới để tạo hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị của di sản văn hóa theo nền tảng công nghệ kỹ thuật số và hỗ trợ việc áp dụng thành tựu công nghệ kỹ thuật số, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)**

### **1. Mục đích**

Việc ban hành Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) nhằm tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về văn hóa, di sản văn hóa. Sửa đổi, hoàn thiện các quy định của pháp luật về di sản văn hóa hiện hành, khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế, tạo cơ sở pháp lý cho bước phát triển mới trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; đảm bảo tính kế thừa, tính thống nhất, đồng bộ giữa Luật Di sản văn hóa với các luật khác có liên quan. Xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, các hoạt động dịch vụ, hợp tác công tư trong lĩnh vực di sản văn hóa..., và đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

### **2. Quan điểm**

- Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng về văn hóa, di sản văn hóa.

- Kế thừa, phát triển những quy định của pháp luật về di sản văn hóa hiện hành đã được thực tiễn kiểm nghiệm; sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong chính sách, pháp luật đã được chỉ ra trong quá trình tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Cập nhật, nội luật hóa các quy định của quốc tế về bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hóa.

- Bám sát 03 nhóm chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) đã được Chính phủ thông qua để quy phạm hóa vào dự thảo Luật các cơ chế, chính sách cụ thể.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính gắn với kiểm soát, giám sát việc thực hiện, đảm bảo quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực di sản văn hóa.



- Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa của dân tộc, từng bước đưa di sản văn hóa đóng góp cho sự phát triển kinh tế...

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)**

Căn cứ Nghị quyết số 89/2023/QH15 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023; Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các công việc theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).
2. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) theo quy định của pháp luật.
3. Ban hành Kế hoạch xây dựng dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), thành lập Ban Soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Dự án Luật, tổ chức các phiên họp của Ban soạn thảo, Tổ biên tập.
4. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Di sản văn hóa, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.
5. Tổ chức xây dựng Dự án Luật; khảo sát, tọa đàm, hội thảo, xin ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học về các chính sách, nội dung của Dự án Luật.
6. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về Dự án Luật và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.
7. Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) gửi Bộ Tư pháp thẩm định.
8. Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
9. Hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ thảo luận, thông qua hồ sơ dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) để trình Quốc hội theo quy định.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)**

#### **1. Bố cục**

Dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) gồm 09 chương 102 điều, tăng 02 chương 29 điều so với Luật Di sản văn hóa hiện hành (07 chương 73 điều), cụ thể như sau:

- Chương I. Những quy định chung, gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8).



- Chương II. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, gồm 11 điều (từ Điều 9 đến Điều 19).

- Chương III. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, gồm 30 điều (từ Điều 20 đến Điều 49).

- Chương IV. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu gồm 11 điều (từ Điều 50 đến Điều 60).

- Chương V. Bảo tàng, gồm 14 điều (từ Điều 61 đến Điều 74).

- Chương VI. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ di sản văn hóa, gồm 04 Điều (từ Điều 75 đến Điều 78).

- Chương VII. Điều kiện đảm bảo hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, gồm 12 điều (từ Điều 79 đến Điều 90).

- Chương VIII. Quản lý nhà nước về di sản văn hóa, gồm 09 điều (từ Điều 91 đến 99).

- Chương IX. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 100 đến Điều 102).

## **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)**

### **2.1. Những nội dung cụ thể hóa chính sách trong Đề nghị xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)**

Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tập trung vào 03 nội dung chính trong các chính sách đã được Quốc hội thông qua, bao gồm: “Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về nguyên tắc, đối tượng, trình tự, thủ tục kiểm kê, nhận diện, ghi danh, biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở các lĩnh vực di sản văn hóa vật thể (di tích; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia), di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu và hoạt động bảo tàng. Chính sách 2: Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của các cơ quan trực tiếp quản lý di sản, tăng cường nội dung, trách nhiệm, cơ chế thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về di sản văn hóa từ Trung ương đến địa phương. Chính sách 3: Tăng cường nội dung, cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa và thu hút, nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa”.

- Đối với Chính sách 1: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện với nội dung cụ thể như: (1) Bổ sung, hoàn thiện một số thuật ngữ liên quan để tạo cách hiểu thống nhất trong thực thi và áp dụng pháp luật; (2) Quy định rõ quyền sở hữu, quyền khác đối với di sản văn hóa, tạo cơ sở để xác định rõ quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ thể di sản trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản; Quy định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng được chuyển nhượng thông qua mua bán dân sự, trao đổi, tặng cho, thừa kế ở trong nước để gia tăng giá trị của di sản, chỉ cấm kinh doanh mua bán bảo vật quốc gia thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư; cấm kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật nhằm tránh mất mát di sản văn hoá ra nước ngoài; Đồng thời, quy định các biện pháp quản lý hiệu quả như: Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu toàn dân phải được quản lý trong các bảo tàng công lập, di tích và



các cơ quan, tổ chức nhà nước có chức năng, nhiệm vụ thích hợp; khuyến khích các tổ chức, cá nhân sưu tầm và trưng bày di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; quy định hoạt động kinh doanh giám định di vật, cổ vật nhằm ngăn chặn kinh doanh, mua bán trái phép di vật, cổ vật và làm mất mát di sản văn hóa; (3) Bổ sung quy định xác lập cơ chế ghi danh, công nhận, thực thi các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa có phạm vi phân bố liên tỉnh, liên quốc gia; (4) Quy định cụ thể về biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa: nhận diện, kiểm kê, ghi danh, xếp hạng, công nhận; lập và triển khai quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa...

- Đối với Chính sách 2: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện với nội dung cụ thể như: (1) Quy định phân cấp, phân quyền đảm bảo các nguyên tắc về phân cấp, phân quyền trên cơ sở quy định của pháp luật liên quan. Trong đó, có quy định cụ thể về nội dung phân cấp, phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương, rõ trách nhiệm quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương; (2) Quy định rõ cơ chế, nguyên tắc phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quản lý nhà nước về di sản văn hóa; (3) Quy định rõ về nội dung, nhiệm vụ, trách nhiệm để phân định rõ các nội dung hoạt động và trách nhiệm của các tổ chức được giao quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa. (4) Quy định về thanh tra, nội dung kiểm tra nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

- Đối với Chính sách 3: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nghiên cứu tiếp tục hoàn thiện với nội dung cụ thể như: (1) Quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu, chủ thể di sản văn hóa trong việc đầu tư kinh phí cho bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa do cá nhân, cộng đồng sở hữu, đồng thời, có cơ chế, chính sách phù hợp để chia sẻ lợi ích công bằng cho các đối tượng liên quan đối với nguồn thu từ di sản văn hóa khi tham gia đầu tư cho di sản văn hóa và đảm bảo cơ chế phù hợp để khuyến khích hợp tác trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; (2) Quy định về hoạt động kinh doanh, dịch vụ về di sản văn hóa (3) Quy định về các nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; (4) Quy định nội dung cơ chế, khai thác, sử dụng di sản trong hợp tác công tư để đầu tư, phát huy giá trị di sản trong bối cảnh hiện nay phục vụ công nghiệp văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội...

## **2.2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)**

### **Chương I. Những quy định chung**

Chương này gồm 8 điều (từ Điều 1 đến Điều 8), quy định về: Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Sở hữu di sản văn hóa; Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Chính sách



của nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Các hành vi nghiêm cấm. Luật đã mở rộng phạm vi điều chỉnh trên cơ sở gộp Điều 1 và Điều 2 của Luật Di sản văn hóa hiện hành, bổ sung thêm “di sản tư liệu”, “quản lý” để đảm bảo đầy đủ, xuyên suốt các hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa. Chương này bổ sung giải thích các từ ngữ liên quan đến nội dung các quy định trong dự thảo Luật ở tất cả các lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, bảo tàng...

## **(2) Chương II. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể**

Chương này gồm 11 điều (từ Điều 9 đến Điều 19), bao gồm những nội dung: Các loại hình di sản văn hóa phi vật thể gồm 6 loại hình; Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; Danh sách, hình thức và tiêu chí ghi danh di sản văn hóa phi vật thể; Ghi danh và hủy bỏ ghi danh di sản văn hóa phi vật thể; Chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể; Duy trì thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể; Nghiên cứu, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể; Bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh; Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền; Biện pháp bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc Việt Nam; Biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị lễ hội truyền thống.

## **(3) Chương III. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể**

Chương này gồm 02 mục và 30 Điều:

- **Mục 1: Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, gồm 18 điều (từ Điều 20 đến Điều 37)** trong đó quy định rõ hơn những nội dung chủ yếu: Phân loại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Tiêu chí nhận diện di tích theo loại hình; Kiểm kê di tích và di tích trong danh mục được kiểm kê; Cấp độ, tiêu chí công nhận và hình thức công nhận di tích; Công nhận và hủy bỏ công nhận di tích; Khu vực bảo vệ di tích; Bảo vệ khu vực bảo vệ I và khu vực bảo vệ II của di tích; Dự án đầu tư, xây dựng công trình trong khu vực bảo vệ di tích; Dự án đầu tư, xây dựng công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích có khả năng tác động tiêu cực đến di tích, cảnh quan thiên nhiên, môi trường - sinh thái của di tích; Xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích có khả năng tác động tiêu cực đến di tích, cảnh quan thiên nhiên, môi trường - sinh thái của di tích; Đưa thêm, di dời, thay đổi, thống kê hiện vật trong di tích; Người đại diện, ban quản lý di tích; Nhiệm vụ của ban quản lý di tích; Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Quy hoạch khảo cổ; Quản lý, bảo vệ địa điểm khảo cổ; Thăm dò, khai quật khảo cổ.

- **Mục 2: Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, gồm 12 điều (từ Điều 38 đến Điều 49)**, trong đó, quy định những nội dung như: Giám định, điều kiện thực hiện giám định di vật, cổ vật và đăng ký di vật, cổ vật; Công nhận bảo vật quốc gia; Quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và xử lý di vật, cổ vật được phát hiện giao nộp; Chuyển nhượng di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Yêu cầu bảo vệ, bảo quản di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Hoạt động bảo quản di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Sưu tầm, kiểm kê di vật, cổ vật, bảo



vật quốc gia thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng; Trưng bày di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng; Bảo vệ và phát huy giá trị di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong nhà truyền thống, nhà lưu niệm, nhà trưng bày hoặc thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng; Đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước và nước ngoài; Mua và đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài về nước; Bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

#### **(4) Chương IV. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu**

Đây là Chương mới, được đưa vào Dự thảo Luật để đảm bảo sự thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa, *bao gồm 11 điều, (từ Điều 50 đến Điều 60)*, với các nội dung quy định về: Phân loại và tiêu chí nhận diện di sản tư liệu; Kiểm kê di sản tư liệu; Ghi danh di sản tư liệu; Thảm quyền, thủ tục ghi danh và hủy bỏ ghi danh di sản tư liệu; Bảo quản di sản tư liệu; Nghiên cứu di sản tư liệu và nghiên cứu, sưu tầm và trưng bày di sản tư liệu thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng; Phục chế di sản tư liệu; Hoạt động quản lý và phát huy giá trị di sản tư liệu thuộc sở hữu chung, sở hữu riêng; Lập đề án, dự án, kế hoạch và báo cáo định kỳ về bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu sau khi được ghi danh; Đưa di sản tư liệu sau khi được ghi danh đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước, nước ngoài và từ nước ngoài về nước; Bản sao của di sản tư liệu.

#### **(5) Chương V. Bảo tàng**

Đây là chương mới, được tách ra từ Mục 3 Chương IV Luật Di sản văn hóa hiện hành, *gồm 14 điều (từ Điều 61 đến Điều 74)*. Các nội dung có kế thừa, điều chỉnh, bổ sung cụ thể hơn hoặc quy định mới, qua đó hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động bảo tàng, với các nội dung chủ yếu là: Hệ thống bảo tàng Việt Nam; Nhiệm vụ của bảo tàng; Điều kiện để thành lập bảo tàng công lập và cấp phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và trưng bày trong nhà, ngoài trời của bảo tàng công lập; Thành lập bảo tàng công lập và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; Xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng công lập và thảm quyền xếp hạng, xếp lại hạng bảo tàng công lập; Tiêu chuẩn xếp hạng bảo tàng; Hoạt động sưu tầm, tư liệu thông tin về hiện vật và di sản văn hóa phi vật thể; Hoạt động kiểm kê hiện vật; Hoạt động bảo quản hiện vật; Hoạt động trưng bày hiện vật và giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể; Hoạt động giáo dục; Hoạt động truyền thông; Hoạt động dịch vụ của bảo tàng.

#### **(6) Chương VI. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ về di sản văn hóa**

Đây là Chương mới trong Luật, *gồm 04 điều (từ Điều 75 đến Điều 78)*, với những quy định về: Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh và các ngành, nghề kinh doanh, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ đủ điều kiện kinh doanh bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Kinh doanh giám định di vật, cổ vật; Kinh doanh di vật, cổ vật; Kinh doanh dịch vụ bảo tàng.



### **(7) Chương VII. Điều kiện đảm bảo hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa**

Chương này gồm 12 điều (từ Điều 79 đến Điều 90), gồm nhiều quy định mới trong luật nhằm thu hút được nhiều nguồn lực trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, bao gồm các nội dung: Nguồn tài chính để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Nguồn nhân lực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa; Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Phát huy giá trị di sản văn hóa trên môi trường điện tử; Tuyên truyền, quảng bá di sản văn hóa; Xã hội hóa trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Sử dụng, khai thác di sản văn hóa; Hợp tác công tư trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Quỹ bảo tồn di sản văn hóa.

### **(8) Chương VIII. Quản lý nhà nước về di sản văn hóa**

Chương này có 09 điều (từ Điều 91 đến Điều 99), được chia làm 02 mục, với những quy định cụ thể về: Nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hóa; Trách nhiệm của Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trách nhiệm của các bộ, ngành; Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia; Hợp tác quốc tế về di sản văn hóa; Thanh tra di sản văn hóa; Hoạt động kiểm tra về di sản văn hóa; Khen thưởng và xử lý vi phạm.

### **(9) Chương IX. Điều khoản thi hành**

Bao gồm 03 điều (từ Điều 100 đến Điều 102) quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan, quy định về hiệu lực thi hành, áp dụng pháp luật và quy định chuyển tiếp, cụ thể như sau:

- Bổ sung điểm h (Dự án đầu tư công trình, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh) vào sau điểm g khoản 3 Điều 49 Luật Xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14); Bổ sung điểm i, điểm k vào sau điểm h khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư, theo đó cấm kinh doanh mua bán bảo vật quốc gia; cấm kinh doanh xuất khẩu di vật, cổ vật; Sửa đổi, bổ sung ngành, nghề thứ tự số 193, 194, 201 và 202 của Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục IV Luật Đầu tư (193 Kinh doanh dịch vụ giám định di vật, cổ vật; 194 Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch, dự án, tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích; 201 Kinh doanh mua bán di vật, cổ vật; 202 Nhập khẩu hàng hóa văn hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

- Quy định chuyển tiếp đối với Di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được công nhận theo Pháp lệnh về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh số 14-LCT/HĐNN; đối với di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Luật



Di sản văn hóa năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú đã được phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước ở các loại hình di sản văn hóa phi vật thể trước ngày Luật này có hiệu lực.

## **V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC QUỐC HỘI THÔNG QUA**

### **1. Về nguồn nhân lực**

Sau khi Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, các cơ quan, tổ chức tiếp tục thực hiện các quy định về di sản mà không phát sinh về nhân lực. Với điều kiện thực tế hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan đến quản lý công tác thi hành pháp luật về di sản có trách nhiệm bố trí nguồn nhân lực, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để thực thi Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) sau khi được Quốc hội thông qua và có hiệu lực.

### **2. Dự kiến kinh phí để triển khai Luật**

Để đảm bảo triển khai thi hành Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) sau khi được Quốc hội thông qua, Nhà nước cần đầu tư một khoản kinh phí cho việc tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể là:

- Cân đối, bố trí ngân sách hàng năm để tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, tập huấn, in ấn tài liệu, hợp đồng với các chuyên gia, báo cáo viên, các cơ quan truyền thông, trên các phương tiện thông tin đại chúng...;

- Chi phí triển khai thi hành Luật khi có hiệu lực thi hành và chi phí kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá... tình hình thực thi Luật theo định kỳ hoặc đột xuất;

- Chi phí xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) và dự án Luật Lưu trữ (sửa đổi), Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Nội Vụ phối hợp để thống nhất quy định, tránh chồng chéo. Bộ Nội vụ phối hợp với các cơ quan của Quốc hội (Ủy ban pháp luật) để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) cho phù hợp. Vì vậy, dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) đã quy định rõ (tại khoản 1 Điều 6) theo hướng, mọi di sản văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam đều được quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị theo quy định của Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan, để bảo đảm bao quát hết được các lĩnh vực, đồng bộ với các Luật, trong đó có Luật Lưu trữ. Tuy nhiên, về tiêu chí xác định tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt trong dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) còn đang chồng lấn, trùng lặp với tiêu chí xác định bảo vật quốc gia trong Luật Di sản văn hóa hiện hành. Do đó, cần phải rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật Lưu trữ (sửa đổi) để bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ giữa hai (02) Luật trong hệ thống pháp luật. Chính phủ xin báo cáo Quốc hội.



Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) để thay thế cho Luật Di sản văn hóa (năm 2001) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (năm 2009), Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định. *ek*

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi); (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Báo cáo kết quả rà soát Luật Di sản văn hóa với các luật có liên quan đến dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi); (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính; (6) Báo cáo lồng ghép về vấn đề bình đẳng giới; (7) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan và Bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương; (8) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa; (9) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (10) Báo cáo chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) theo Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 29/02/2024 của Chính phủ; (11) Một số tài liệu liên quan).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: VHTTDL, TP;
- VPCP: BTCN, PCN Cao Huy, các Vụ, Cục: KGVX, KTTH, TCCV, QHĐP, KSTT;
- Lưu : VT, PL (2).

**TM. CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG  
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO  
VÀ DU LỊCH**



*Nguyễn Văn Hùng*  
Nguyễn Văn Hùng